

Bản án số: 512/2023/KDTM-PT

Ngày: 26-04-2023

V/v tranh chấp hợp đồng san lấp

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương

Các Thẩm phán:

Bà Hà Thanh Thủy

Bà Trương Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hiệp Định – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Thân Trọng Minh Phương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 3 và 26 tháng 4 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2022/TLPT-KDTM ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng san lấp”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 3100/2022/KDTM-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố TP, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 883/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Cơ sở BLG

Địa chỉ: Tổ B, phường LB, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

Chủ cơ sở: Bà Nguyễn Thị L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Chón S – Sinh năm: 1979 (theo Văn bản ủy quyền công chứng ngày 22/01/2018).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần VN

Địa chỉ: Khu Công Nghệ Cao, phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị H – Sinh năm: 1987 (theo Văn bản ủy quyền ngày 24/6/2017).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty TNHH ĐT

Địa chỉ: Km số 05, đường HB, ấp HB, xã HT, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị H – Sinh năm: 1987 (theo Văn bản ủy quyền tháng 6/2019).

3.2. Công ty TNHH TK

Địa chỉ: Tổ 9, khu phố 8, thị trấn VA, huyện VC, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đăng K.

3.3. Doanh nghiệp Tư nhân HV

Địa chỉ: 178 đường NHC, khu phố 2, thị trấn TB, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình V.

3.4. Bà Phạm Quang Ch – sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Số 07 ngõ TT, quận HK, thành phố Hà Nội.

4. Người kháng cáo: Công ty Cổ phần VN là bị đơn.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố TPĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

**** Nguyên đơn trình bày:***

Vào tháng 12 năm 2015, Cơ sở BLG có ký hợp đồng san lấp với Công ty Cổ phần VN (sau đây gọi là Công ty VN) tại thửa đất tọa lạc tại xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai với diện tích khoảng 51.000m². Theo thỏa thuận chúng tôi tiến hành lấy đất tại các vị trí trong khuôn viên để tạo mặt bằng cho việc xây dựng trang trại gà công nghiệp và giám sát công trình là ông Lâm và ông Vương do Công ty VN cử đến.

Sau khi tập kết máy móc thiết bị đầy đủ, chúng tôi cho đào vị trí S1 (khu vãn phòng 6000m²) để lấy đất sỏi phún san cho phần S2 (phần xây dựng 05 chuồng gà) theo tiêu chuẩn 0.5m/lớp. Sau khi đào được diện tích khoảng 1000m² sâu 1m thì ông Lâm yêu cầu không được đào tiếp vị trí S1 theo yêu cầu của ông Mã (Ma Sang Don) và yêu cầu lấy lấp lại theo hiện trạng ban đầu và vát ta luy theo thỏa thuận. Chúng tôi có giải thích việc dùng đất để san mặt bằng là phải có chủng loại phù hợp mới đúng thiết kế kỹ thuật và chúng tôi sẽ hoàn trả loại đất khác theo đúng thiết kế của khu S1 nhưng ông Lâm không đồng ý và bắt buộc chúng tôi chọn vị trí khác lấy đất để tiếp tục san lấp, trong khi đó vị trí lấy đất phù hợp tại vị trí khác là đào ao thì nước suối chưa khô nên không thể đào lấy đất phún tại vị trí này. Chúng tôi yêu cầu ông Lâm cung cấp đất phún theo như trong thỏa thuận bằng việc mua 2000m³ đất ở thửa đất kế bên do Doanh nghiệp Tư nhân Thành Vinh đang khai thác mỏ hợp pháp nhưng ông Lâm đáp là Công ty VN không đủ tài chính và đồng thời cũng thông báo cho ông Lâm về việc chiều dài hướng đông tây không đủ tiêu chuẩn để bố trí xây dựng trại sau khi đã có kết quả của đơn vị đo đạc do chúng tôi thuê giúp Công ty VN để đo lại

hiện trạng đất. Sự việc kéo dài hơn 20 ngày mà không đưa ra được giải pháp để tiếp tục thi công. Trong thời gian chờ đợi sự thống nhất phương án thi công, chúng tôi nhiều lần yêu cầu bà Phạm Quang Ch (Phó tổng giám đốc Công ty VN) xuống thực địa để quyết định nhưng phía bà Chi không đáp ứng và bà Chi thông qua email thông báo yêu cầu chúng tôi tìm kiếm giải pháp tại văn phòng Công ty VN. Xét thấy, các nhân sự của Công ty VN không có kiến thức trong việc san lấp mặt bằng và trong hợp đồng chúng tôi có nêu điều khoản không hủy ngang với bất kỳ lý do gì nên chúng tôi đưa ra giải pháp sẽ đào phần diện tích S2 (khu vực 05 chuồng gà) sâu nhất có thể để tạo được mặt bằng xây dựng và Công ty VN không có phản đối hoặc phản hồi về sự thay đổi này. Trong quá trình thi công vị trí S2 này do phải đào sâu hơn để tạo được mặt bằng (-2.5m so với mặt đường hiện hữu) so với phương án thống nhất trong hợp đồng (-1.3m) nên phát sinh khối lượng đá rất lớn ảnh hưởng đến chi phí và thời gian thi công. Chúng tôi đã báo cáo với ông Lâm và ông Vương khi hai ông xuống kiểm tra tiến độ và chúng tôi phải lựa từng tảng đá di dời về một bên (theo yêu cầu của ông Lâm để lại đụn đá hộc kê ta luy phần đường nhựa do phải hạ cost nên quá sâu ảnh hưởng đến đường giao thông) và lấy đất san lấp. Đến cuối tháng 3 năm 2016, sau khi nước suối đã rút hết, chúng tôi cho máy móc thiết bị đào phần ao (chỉ đào sâu 1m rộng khoảng 3000m² do gặp mặt nước ngầm) lấy đất phún theo thỏa thuận và cơ bản hoàn thành 05 nền chuồng gà và đường nội bộ khu vực S2, trong quá trình đào ao ông Lâm và ông Vương có mặt thường xuyên định kỳ kiểm tra vị trí đào và không có ý kiến gì. Đến giữa tháng 4 năm 2016 sau khi hoàn tất phần việc S2 thì Công ty VN lại đưa ra quyết định thay đổi hướng chuồng theo hướng bắc nam không chấp thuận theo hướng đông tây như thỏa thuận (do chiều dài đất không đủ để bố trí chuồng theo hướng đông tây đã có báo cáo cho Công ty VN khi đo đạc lại) và yêu cầu chúng tôi thi công hạng mục này theo hướng bắc nam nên phát sinh thêm chi phí tạo lập lại nền chuồng và đường nội bộ kéo dài thời gian thi công. Đến đầu tháng 5 năm 2016 chúng tôi bắt đầu thi công phần S3 còn lại của diện tích bằng việc đào ao sâu thêm 1.5m so với giai đoạn đầu (đã đào sâu 1m rộng 3000m²) nhưng sau khi sắp hoàn thành phần S3 thì ông Lâm yêu cầu phải thu hẹp lại phần diện tích ao đã đào (giai đoạn 1) khoảng 700m² để lấy mặt bằng bố trí công trình. Đến cuối tháng 5 năm 2016 chúng tôi cơ bản hoàn thành các công việc để bàn giao theo cost công trình hoàn toàn khác với thỏa thuận đã ký, đến lúc này Công ty VN mời Công ty TK tới hiện trường để khảo sát việc xây dựng. Xét thấy, Công ty không giữ lời hứa với chúng tôi sau khi hoàn tất việc san lấp sẽ ưu tiên phần xây dựng cho chúng tôi thi công để bù đắp phần chi phí đã bỏ ra cho việc san lấp, chúng tôi nhiều lần làm việc với Công ty VN về các khoản chi phí thực tế đã thi công nhưng Công ty VN không chấp nhận và đến thời điểm hiện tại Công ty VN cũng chưa thanh toán phần tạm ứng trước để xử lý bom mìn và đo đạc khoảng 4.000.000 đồng và phần chi phí chúng tôi đã san lấp.

Cơ sở BLG kiện yêu cầu Công ty VN thanh toán số tiền 1.170.915.900 đồng đồng mà Cơ sở BLG đã thực hiện thực tế; Lãi trả chậm thanh toán sẽ tiếp

tục tính cho đến khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật; Thanh toán một lần ngay sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn trình bày:*

Nguyên tháng 12 năm 2015 Công ty VN có ký hợp đồng san lấp với Cơ sở BLG. Theo nội dung hợp đồng phía Cơ sở BLG có nghĩa vụ thực hiện san lấp khu vực văn phòng, nhà ở công nhân, kho, mặt bằng diện tích trại gà và làm mương thoát nước trong thời hạn 60 ngày với tổng giá trị hợp đồng là 450.000.000 đồng.

Khi hết thời hạn thi công, Cơ sở BLG đã không hoàn thành các công việc như hợp đồng giao kết. Chúng tôi đã tạo điều kiện gia hạn thêm 2 lần nữa, nhưng Cơ sở BLG vẫn tiếp tục không hoàn thành công việc. Sau nhiều lần chậm trễ và còn không biết đến khi nào mới hoàn thành công việc. Ngày 13/5/2015 chúng tôi đã làm thư mời Cơ sở BLG tới trụ sở làm việc để thương thảo các nội dung công việc đã làm, chấm dứt hợp đồng và bàn trả mặt bằng cho công ty chúng tôi. Tuy nhiên, Cơ sở BLG không tới thỏa thuận, mà còn hù dọa, cấm chúng tôi không được xuống mảnh đất dự án, cho người ở lại phá hoại, ngăn cản công ty chúng tôi. Công ty chúng tôi đã phải nhờ Công an xã Hưng Thịnh can thiệp mới có thể nhận lại được mảnh đất dự án. Sau khi nhận lại mảnh đất chúng tôi có nhiều lần mời Cơ sở BLG tới trụ sở để giải quyết dứt điểm, nhưng Cơ sở BLG bất hợp tác. Đến nay hai bên cũng không có bất kỳ biên bản bàn giao khối lượng công việc đã thực hiện.

Chúng tôi không đồng ý với nội dung khởi kiện của Cơ sở BLG vì: Cơ sở BLG là người vi phạm hợp đồng giao kết giữa hai bên về nội dung công việc cũng như thời hạn thực hiện hợp đồng; Cơ sở BLG bất hợp tác khi chúng tôi đã nhiều lần tỏ thiện chí muốn thương thảo; Giá trị đơn kiện bất hợp lý, tổng giá trị hợp đồng chỉ 450.000.000 đồng nhưng Cơ sở BLG kiện yêu cầu thanh toán số tiền 1.170.915.900 đồng; Sau khi nhận lại mảnh đất dự án chúng tôi phải thuê các đơn vị khác thực hiện những công việc mà Cơ sở BLG chưa thực hiện được, ví dụ như làm Taluy mái đất, thi công mương thoát nước, lu, đầm nén kỹ các mặt phẳng... Công ty VN đề nghị Tòa án bác bỏ yêu cầu của Cơ sở BLG.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Công ty TNHH TK vắng mặt và không có ý kiến.
- Công ty TNHH ĐT có bà Trần Thị Huệ đại diện theo ủy quyền không có ý kiến.
- Doanh nghiệp Tư nhân HV vắng mặt và không có ý kiến.
- Bà Phạm Quang Ch có đơn xin vắng mặt và không có ý kiến.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 3100/2022/KDTM-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố TP, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

1- Công ty Cổ phần VN phải trả cho Cơ sở BLG tổng số tiền gốc và tiền phạt vi phạm thời hạn thực hiện thanh toán theo hợp đồng tạm tính đến ngày 19

tháng 10 năm 2016 là 1.170.915.900 đồng (Bằng chữ: Một tỷ một trăm bảy mươi triệu, chín trăm mười năm ngàn chín trăm đồng), trong đó số tiền thi công công trình là 1.128.050.000 đồng, số tiền lãi phạt vi phạm thời hạn thực hiện thanh toán theo hợp đồng từ ngày 20 tháng 5 năm 2016 đến ngày 19 tháng 10 năm 2016 (theo lãi suất ngân hàng là 9%) là 42.865.900 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất chậm trả các bên thỏa thuận tại Hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2- Công ty Cổ phần VN phải trả cho Cơ sở BLG số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) mà Cơ sở BLG đã tạm ứng đóng tiền chi phí tố tụng cho Tòa án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm cũng xác định trách nhiệm chịu án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/8/2022, bị đơn đã nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, lý do: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không được tiếp cận công khai chứng cứ; hợp đồng giao kết chỉ có giá trị 450.000.000 đồng nhưng Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn 1.128.050.000 đồng mà không có bất kỳ cơ sở nào để tính khối lượng phát sinh chi tiết; bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là do nguyên đơn vi phạm hợp đồng nhưng Tòa án vẫn chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lãi chậm trả là không đúng.

Ngày 31/8/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án sơ thẩm với lý do: Nguyên đơn không cung cấp được hóa đơn chứng từ chứng minh cho các chi phí phát sinh thêm ngoài hợp đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn và tiền lãi là không có cơ sở; Tòa án cấp sơ thẩm không tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm, các bên không tiến hành nghiệm thu nhưng lại tính lãi từ ngày chậm thanh toán 20/5/2016 là không có cơ sở; tại phần quyết định về lãi chậm trả chưa phù hợp với hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; tiền tạm ứng án phí được hoàn lại cho nguyên đơn không đồng nhất tại phần nhận định và phần quyết định.

**** Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là 371.000.000 đồng (giá trị hợp đồng 450.000.000 đồng - 79.000.000 đồng là chi phí một số hạng mục nguyên đơn chưa làm nên phía bị đơn phải nhờ đơn vị khác thi công như làm Taluy mái đất, thi công mương thoát nước); bị đơn đồng ý thanh toán cho nguyên đơn phần phát sinh thêm gồm chi phí đo vẽ lại 2.000.000 đồng và chi phí xử lý bom mìn 2.000.000 đồng; bị đơn đồng ý mức lãi suất nguyên đơn áp dụng 9%/năm trên phần giá trị chậm thanh toán tính từ

ngày 20/5/2016 đến ngày 19/10/2016.

- Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo được nộp trong thời hạn quy định nên hợp lệ.

+ Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty TNHH TK và Doanh nghiệp Tư nhân HV mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là 371.000.000 đồng (giá trị hợp đồng 450.000.000 đồng - 79.000.000 đồng là chi phí một số hạng mục nguyên đơn chưa làm nên phía bị đơn phải nhờ đơn vị khác thi công như làm Taluy mái đất, thi công mương thoát nước), Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về hình thức của đơn kháng cáo: Xét thấy đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[2.2] Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.2.1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên kháng cáo của bị đơn về nội dung này là không có cơ sở, nên không chấp nhận.

[2.2.2] Về nội dung:

Xét nội dung Hợp đồng san lấp (không ghi ngày) tháng 12 năm 2015 được ký kết giữa Cơ sở BLG và Công ty VN các bên thỏa thuận: San lấp mặt bằng trại gà tọa lạc tại xã Hưng Lộc, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai với các hạng mục: Hạng mục 1: Mặt bằng khối văn phòng, nhà ở công nhân, kho, diện tích 6.000 m² với chi phí chưa bao gồm thuế 16.350.000 đồng; Hạng mục 2: Mặt bằng trại gà với chi phí chưa bao gồm thuế 390.000.000 đồng, diện tích 45.000 m²; Hạng mục 3: Mương thoát nước với chi phí chưa bao gồm thuế 43.650.000

đồng. Hai bên cũng thỏa thuận nội dung công việc, thời gian thi công, kỹ thuật công trình, bản vẽ thi công, thời gian thanh toán, thời gian thanh lý nghiệm thu công trình...

Theo nguyên đơn trình bày, Cơ sở BLG đã tiến hành thi công san lấp mặt bằng trại gà theo các hạng mục 1 và 2 của hợp đồng cho Công ty VN với tổng giá trị 406.350.000 đồng. Tuy nhiên quá trình thi công có phát sinh một số vấn đề như không đủ đất san lấp, bên Công ty VN thay đổi hướng chuồng nên phát sinh thêm chi phí so với ban đầu tổng cộng là 1.128.050.000 đồng. Xét, tại Hợp đồng san lấp (không ghi ngày) tháng 12 năm 2015 được ký kết giữa Cơ sở BLG và Công ty VN các bên có thỏa thuận: Đất dùng để san lấp là đất trong khuôn viên diện tích trên; Trường hợp địa chất không cho phép đào như cost đã thỏa thuận dẫn đến việc thiếu đất để san lấp hay ảnh hưởng tiêu cực đến việc thi công xây dựng sau này thì bên B (Cơ sở BLG) có quyền ngưng thi công và thông báo cho bên A (Công ty VN) để xử lý phần đất còn thiếu, phần đất còn thiếu này bên A phải tự chịu chi phí mua, bên B chịu trách nhiệm san lấp như cam kết. Như vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngoài chi phí theo hợp đồng còn có chi phí phát sinh thêm nhưng nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh các bên có thỏa thuận về phần chi phí phát sinh thêm này mà Tòa cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào Thông báo “Yêu cầu thanh toán lần 4” ngày 18/6/2016 của nguyên đơn gửi cho bị đơn chưa được bị đơn xác nhận để buộc bị đơn phải thanh toán tổng chi phí thi công 1.128.050.000 đồng là không phù hợp.

Bị đơn trình bày xác nhận phần nội dung công việc nguyên đơn đã làm tại hạng mục 1 và 2, tuy nhiên yêu cầu trừ đi một số hạng mục mà phía bị đơn phải nhờ đơn vị khác thi công như làm Taluy mái đất, thi công mương thoát nước với tổng chi phí 79.000.000 đồng. Xét, bị đơn yêu cầu đơn vị khác thi công nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết, không có chứng cứ chứng minh và bị đơn chưa có yêu cầu phản tố để yêu cầu bù trừ số tiền 79.000.000 đồng tại Tòa án cấp sơ thẩm, nên không có căn cứ chấp nhận.

Xét, tại tòa bị đơn xác nhận đã nhận bàn giao công trình từ ngày 20/5/2016, đã xây dựng công trình trại gà và đưa vào hoạt động nên bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn chi phí phát sinh từ các hạng mục theo hợp đồng mà nguyên đơn đã thi công và bàn giao cho bị đơn gồm hạng mục 1 và 2 với tổng giá trị 406.350.000 đồng (1). Tại tòa bị đơn đồng ý chịu chi phí phát sinh thêm gồm chi phí đo vẽ lại 2.000.000 đồng (2) và chi phí xử lý bom mìn 2.000.000 đồng (3). Tổng cộng các khoản (1) + (2) + (3) = 410.350.000 đồng.

Do bị đơn chậm thanh toán nên phải chịu lãi phát sinh trên số tiền chậm thanh toán từ ngày bàn giao công trình 20/5/2016 đến ngày 19/6/2016. Tại tòa bị đơn đồng ý với mức lãi suất nguyên đơn áp dụng 9%/năm và mức lãi suất này phù hợp với mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường hiện nay, nên được chấp nhận. Như vậy, số tiền lãi chậm trả bị đơn phải chịu là $410.350.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 5 \text{ tháng} = 15.388.125 \text{ đồng}$.

Tổng cộng, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là $410.350.000 \text{ đồng} + 15.388.125 \text{ đồng} = 425.738.125 \text{ đồng}$.

Về chi phí thẩm định giá: Tòa án cấp sơ thẩm đã làm thủ tục trưng cầu cơ quan thẩm định giá và đã tổ chức thẩm định giá nhưng không thành, nên chi phí thẩm định giá Cơ sở BLG và Công ty VN phải chịu. Cụ thể Tòa cấp sơ thẩm đã quyết định Cơ sở BLG và Công ty VN mỗi bên phải chịu 10.000.000 đồng là có cơ sở.

Từ những phân tích nêu trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty VN.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm có nhận định như sau:

Như đã phân tích ở mục [2.2.2], Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào Thông báo “Yêu cầu thanh toán lần 4” ngày 18/6/2016 của nguyên đơn để buộc bị đơn phải thanh toán tổng chi phí thi công là 1.128.050.000 đồng là không phù hợp, nên nội dung kháng nghị này có cơ sở chấp nhận.

Tòa cấp sơ thẩm chỉ tính lãi từ ngày 20/5/2016 đến ngày 19/10/2016 theo yêu cầu của nguyên đơn mà không tính đến ngày xét xử sơ thẩm là có lợi cho bị đơn nên kháng nghị này không được chấp nhận.

Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định “Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ chậm trả các bên thỏa thuận tại hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật” là không phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP –TATC ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bởi lẽ tại Hợp đồng san lấp (không ghi ngày) tháng 12 năm 2015 được ký kết giữa Cơ sở BLG và Công ty VN các bên không có thỏa thuận về việc trả lãi, cũng không có thỏa thuận về lãi suất nên nội dung kháng nghị này có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí trên số tiền không được Tòa án chấp nhận (1.170.915.900 đồng – 425.738.125 đồng = 745.177.775 đồng) là 33.807.111 đồng; Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn (425.738.125 đồng) là 21.029.525 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là Công ty VN không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148, Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần VN; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 3100/2022/KDTM-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Công ty Cổ phần VN phải trả cho Cơ sở BLG số tiền 425.738.125 (*Bốn trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn một trăm hai mươi lăm*) đồng, gồm: Tiền thi công công trình 406.350.000 đồng, chi phí đo vẽ lại 2.000.000 đồng, chi phí xử lý bom mìn 2.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả 15.388.125 đồng.

Công ty Cổ phần VN phải trả cho Cơ sở BLG số tiền 10.000.000 (*Mười triệu đồng*) đồng mà Cơ sở BLG đã tạm ứng đóng tiền chi phí tố tụng cho Tòa án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Cơ sở BLG phải chịu án phí là 33.807.111 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.563.700 đồng theo Biên lai thu số 006858 ngày 25/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Cơ sở BLG còn phải nộp thêm 10.243.411 (*Mười triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm mười một*) đồng.

Công ty Cổ phần VN phải chịu án phí là 21.029.525 (*Hai mươi một triệu không trăm hai mươi chín nghìn năm trăm hai mươi lăm*) đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Công ty Cổ phần VN được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0028310 ngày 30/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các bên đương sự thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND TP.Đ;Đ;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS TP.Đ;Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hương